

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 4- 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ông Thanh Bạch

2. Ông Hà Văn Châu

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Kim Hằng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số A/A1 đường LD, khóm A3, phường A4, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Tấn Ph, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Số B/B1 (Số cũ B2/B3) đường THĐ, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2020 của nguyên đơn là Nguyễn Thị Ngọc Ng và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc Ng và bị đơn là ông Dương Tấn Ph tự nguyện chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B4, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29 tháng 6 năm 2010. Sau khi cưới, nguyên đơn Ng và bị đơn Ph chung sống bên gia đình nguyên đơn tại phường B4, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng, đến năm 2014 thì ông bà về sống bên gia đình bị đơn Ph tại phường B2, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 01 năm trở lại đây ông bà thường xuyên cãi vã, bất đồng ý kiến, bị đơn Ph bỏ mặc không quan tâm đến vợ con và còn thường xuyên say xỉn, dẫn đến tình cảm vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Tháng 8 năm 2020 bà Ng và cháu Th về nhà cha mẹ của bà ở và ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn là ông Dương Tấn Ph.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung là cháu Dương Ngọc Tr, nữ, sinh ngày 28 tháng 5 năm 20xx và cháu Dương Thái Th, nam, sinh ngày 15 tháng 9 năm 20xx trước khi nộp đơn khởi kiện thì cháu Tr sống cùng với bị đơn Ph tại số B/B1 (Số cũ B2/B3) đường THĐ, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng còn cháu Th sống cùng với nguyên đơn. Nhưng hiện nay cả hai cháu đều sống cùng với nguyên đơn tại số A/A1 đường LD, khóm A3, phường A4, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn Ng yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Tr và cháu Th cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu bị đơn Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

\* Bị đơn ông Dương Tấn Ph: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của bà Ng tại Thông báo thụ lý vụ án số: 276/TB-TLVA, ngày 27 tháng 10 năm 2020 và đã tổng đạt hợp lệ cho ông Dương Tấn Ph, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông Ph đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông Ph không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Ng và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông Ph cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

\* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về

thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Ng thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn Dương Tấn Ph không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng, về việc yêu cầu được ly hôn với ông Dương Tấn Ph và yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Tr và cháu Th đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bị đơn Ph cấp dưỡng nuôi con, là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, còn về tài sản chung và nợ chung bà Ng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1.] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 21 tháng 10 năm 2020 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc Ng lập ngày 20 tháng 10 năm 2020 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Ng nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Ng và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 20 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn Ng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Dương Tấn Ph, sinh năm 19xx có địa chỉ tại số B/B1 (Số cũ B2/B3) đường THĐ, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Dương Tấn Ph vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn Ng yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Ph. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Ph theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Ng, Hội đồng xét xử

nhận thấy, sau khi kết hôn, bà Ng và ông Ph cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc bên nhau từ tháng 6 năm 2010 đến tháng 8 năm 2020. Tại phiên tòa bà Ng cho rằng khi mới cưới nhau về là vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên xung đột với nhau và ông Ph còn thường uống rượu say xỉn, không quan tâm đến bà và các con, đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng cuộc sống chung không hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2020 bà đã cùng với cháu Th về nhà cha mẹ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay và tại phiên tòa bà Ng kiên quyết ly hôn với ông Ph. Như vậy, bà Ng và ông Ph đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Ng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ng ly hôn với ông Ph.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc Ng xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Ngọc Tr, nữ, sinh ngày 28 tháng 5 năm 20XX và cháu Dương Thái Th, nam, sinh ngày 15 tháng 9 năm 20XX đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Nhận thấy, từ khi ông Ph và bà Ng sống ly thân cho đến nay thì cháu Tr và cháu Th đều do bà Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Tr thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ và em trai.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*” chấp nhận yêu cầu của bà Ng giao cháu Dương Ngọc Tr và cháu Dương Thái Th cho bà Ng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr và cháu Th đủ 18 tuổi.

Bị đơn Dương Tấn Ph được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Ph thực hiện quyền này, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Đáng lẽ ra, ông Ph là người không trực tiếp nuôi các con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con, nhưng tại phiên tòa bà Ng trình bày hiện tại bà có việc làm ổn định, thu nhập mỗi tháng là 6.000.000 đồng, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, bà luôn chăm sóc tốt về mọi mặt cho các con và bà Ng không yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi các con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ng tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Ng và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Ng là người xin ly hôn nên theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Ng và ông Dương Tấn Ph.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Dương Ngọc Tr (nữ, sinh ngày 28 tháng 5 năm 20xx) và Dương Thái Th (nam, sinh ngày 15 tháng 9 năm 20xx) hiện đang sống

chung với bà Ng cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tr và cháu Th đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Ông Dương Tấn Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông Ph thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ng tự khai, không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ng phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004687 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Ng đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND Phường B4;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Kim Huệ**